

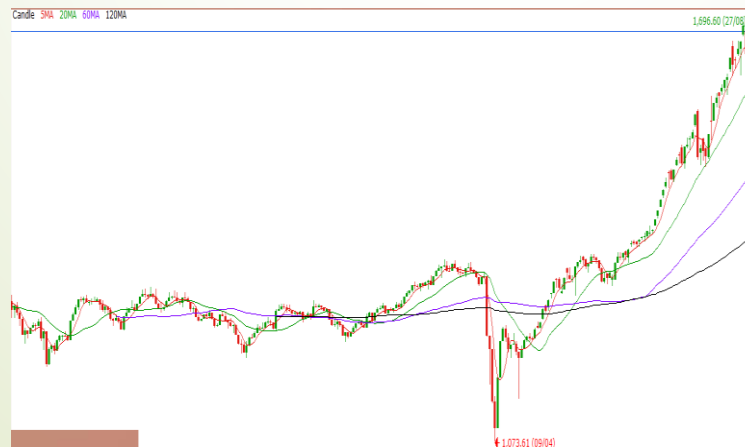
# BẢN TIN HÀNG NGÀY

28 Tháng 8 2025

## Thanh khoản thấp nhất gần 2 tháng

- Vn-Index giảm nhẹ trong phiên sáng, và hồi phục tăng điểm trong phiên chiều, đóng cửa tăng 8 điểm
- Nhóm chứng khoán tăng tốt nhất, nhiều mã tăng trên 3% như SSI VCI VND VIX
- Nhóm ngân hàng tăng điểm và là động lực kéo chỉ số, hàng loạt mã tăng tốt như CTG TPB TCB VPB LPB EIB SHB
- Các nhóm ngành tăng điểm khác là thép, bán lẻ, xây dựng, và khu công nghiệp
- Ngược lại, 1 số nhóm ngành giảm nhẹ là bất động sản, trong đó VIC đóng góp lớn nhất vào chiều giảm của Vn-Index
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm mạnh 28.8% so với ngày trước đó

**Đồ thị Vn-Index 3 tháng**

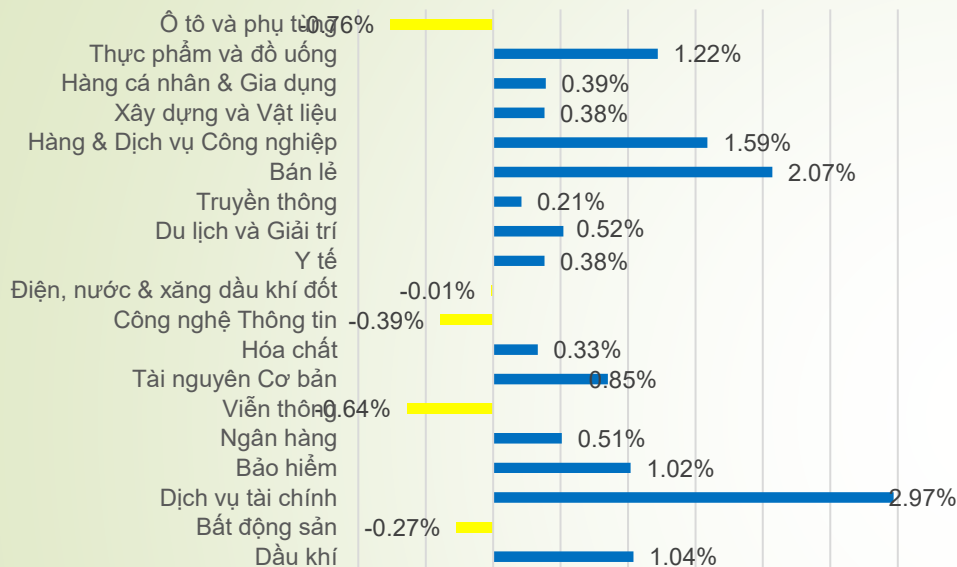


**Tổng quan thị trường**

|                                 | HOSE    | HNX   | UPCOM |
|---------------------------------|---------|-------|-------|
| Đóng cửa                        | 1,680.9 | 276.6 | 110.6 |
| (+/-)                           | 8.08    | 0.25  | 0.68  |
| (%)                             | 0.48%   | 0.09% | 0.62% |
| Khối lượng giao dịch (Triệu cp) | 1,092   | 97    | 47    |
| Giá trị giao dịch (Tỷ VND)      | 31,639  | 1,878 | 597   |
| Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)   | (2,332) | 9     | (121) |
| Số mã tăng                      | 177     | 82    | 161   |
| Số mã giảm                      | 137     | 76    | 98    |
| Số mã giá không đổi             | 58      | 50    | 80    |

# Nhận định thị trường

## Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



| STT | Nhóm ngành          | PE    | PB   |
|-----|---------------------|-------|------|
| 1   | Dầu khí             | 34.26 | 1.40 |
| 2   | Nguyên vật liệu     | 18.42 | 1.63 |
| 3   | Công nghiệp         | 14.78 | 2.16 |
| 4   | Hàng Tiêu dùng      | 16.02 | 2.38 |
| 5   | Dược phẩm và Y tế   | 16.07 | 1.58 |
| 6   | Dịch vụ Tiêu dùng   | 21.57 | 4.36 |
| 7   | Viễn thông          | 30.90 | 5.77 |
| 8   | Tiện ích Cộng đồng  | 14.50 | 1.76 |
| 9   | Tài chính           | 20.94 | 2.14 |
| 10  | Ngân hàng           | 11.54 | 1.84 |
| 11  | Công nghệ Thông tin | 20.19 | 4.14 |

- Hôm nay, Vn-Index giảm với thanh khoản rất thấp, gần như là thấp nhất trong gần 2 tháng qua. Theo chúng tôi, đây là tín hiệu tích cực. Thông thường, tại vùng đỉnh lịch sử (gần 1,700 điểm như hiện tại), áp lực bán chốt lời sẽ lớn do đã phần nhà đầu tư đã có lãi
- Tuy vậy, áp lực bán thấp, thanh khoản cũng giảm mạnh cho thấy áp lực bán không lớn, đa phần nhà đầu tư chưa muốn bán cổ phiếu tại vùng giá hiện tại. Đây là điều kiện cần để Vn-Index vượt đỉnh 1,700 điểm trong tháng 9 tới
- Tuy nhiên, hôm nay và ngày mai là 2 phiên giao dịch cuối cùng trước kỳ nghỉ lễ 2/9. Do đó, tâm lý của 1 số nhà đầu tư là mong muốn bán chốt lãi cổ phiếu và bên mua cũng không vội mua vào do lo ngại 1 số rủi ro có thể xảy ra trong kỳ nghỉ lễ. Do đó, Vn-Index thường cũng khó tăng mạnh trước kỳ nghỉ lễ, có lẽ chúng ta cùng đợi Vn-Index vượt đỉnh trong tháng 9
- Tất nhiên, về xu hướng 1 tháng tới, chúng tôi đã nhiều lần khẳng định: Vn-Index đang rất mạnh, bất cứ điều chỉnh nào cũng là cơ hội để mua vào.
- Nhóm ngành ưa thích của chúng tôi là: ngân hàng, chứng khoán, thép, và bất động sản

# Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

| Ngân hàng |        | Bất động sản |        | Chứng khoán |        | Thực phẩm |        | Xây dựng |        | Nguyên liệu cơ bản |       | Tiện ích |        | Hóa chất |        |
|-----------|--------|--------------|--------|-------------|--------|-----------|--------|----------|--------|--------------------|-------|----------|--------|----------|--------|
| SHB       | 4.25%  | TCH          | 3.77%  | DSC         | 7.00%  | ANV       | 4.48%  | CII      | 2.21%  | HPG                | 1.31% | GEG      | 2.27%  | DPR      | 1.22%  |
| EIB       | 3.36%  | VPI          | 3.06%  | DSE         | 6.93%  | VHC       | 2.31%  | VGC      | 1.62%  | NKG                | 0.64% | PGD      | 0.80%  | AAA      | 1.11%  |
| TPB       | 2.97%  | KBC          | 2.54%  | ORS         | 6.92%  | ASM       | 1.22%  | BMP      | 1.56%  | HSG                | 0.27% | POW      | 0.30%  | DGC      | 1.01%  |
| LPB       | 2.40%  | IJC          | 2.08%  | TVS         | 4.59%  | SAB       | 1.20%  | PC1      | 1.32%  | PTB                | 0.20% | GAS      | 0.07%  | DCM      | 0.90%  |
| VPB       | 2.10%  | HDG          | 1.75%  | SSI         | 4.35%  | DBC       | 1.10%  | CTD      | 1.05%  | DHC                | 0.16% | PPC      | 0.00%  | CSV      | 0.60%  |
| TCB       | 1.67%  | SIP          | 0.84%  | VIX         | 4.21%  | MSN       | 1.09%  | HHV      | 0.68%  | ACG                | 0.00% | TMP      | 0.00%  | GVR      | 0.17%  |
| CTG       | 0.98%  | NLG          | 0.68%  | VND         | 3.57%  | VNM       | 0.83%  | VCG      | 0.59%  |                    |       | VSH      | 0.00%  | PHR      | 0.00%  |
| SSB       | 0.47%  | DXG          | 0.66%  | VDS         | 3.57%  | FMC       | 0.54%  | HTI      | 0.00%  |                    |       | SHP      | 0.00%  | VFG      | 0.00%  |
| HDB       | 0.15%  | VRE          | 0.33%  | VCI         | 3.47%  | BAF       | 0.44%  | CTR      | -0.11% |                    |       | PGV      | 0.00%  | DPM      | -0.37% |
| NAB       | 0.00%  | KOS          | 0.26%  | AGR         | 3.15%  | MCM       | 0.17%  |          |        |                    |       | TDM      | 0.00%  |          |        |
| OCB       | 0.00%  | DIG          | 0.22%  | HCM         | 1.99%  | PAN       | 0.15%  |          |        |                    |       | NT2      | -0.45% |          |        |
| VCB       | -0.14% | BCM          | 0.15%  | CTS         | 1.97%  | VCF       | 0.00%  |          |        |                    |       | BWE      | -0.53% |          |        |
| ACB       | -0.36% | VHM          | 0.00%  | FTS         | 1.42%  | KDC       | -0.19% |          |        |                    |       | REE      | -0.61% |          |        |
| BID       | -0.70% | HDC          | 0.00%  | BSI         | 0.96%  | BHN       | -0.60% |          |        |                    |       | CHP      | -0.61% |          |        |
| MBB       | -0.73% | SZC          | 0.00%  | BCG         | 0.84%  | HAG       | -2.10% |          |        |                    |       | HNA      | -1.00% |          |        |
| VIB       | -0.89% | CRE          | 0.00%  | EVF         | -0.71% | SBT       | -2.44% |          |        |                    |       |          |        |          |        |
| MSB       | -1.40% | KDH          | -0.28% |             |        |           |        |          |        |                    |       |          |        |          |        |
| STB       | -1.44% | DXS          | -0.39% |             |        |           |        |          |        |                    |       |          |        |          |        |
|           |        | NVL          | -0.60% |             |        |           |        |          |        |                    |       |          |        |          |        |
|           |        | PDR          | -0.61% |             |        |           |        |          |        |                    |       |          |        |          |        |
|           |        | QCG          | -0.72% |             |        |           |        |          |        |                    |       |          |        |          |        |
|           |        | SJS          | -0.91% |             |        |           |        |          |        |                    |       |          |        |          |        |
|           |        | VIC          | -1.44% |             |        |           |        |          |        |                    |       |          |        |          |        |

# Giao dịch khối ngoại

## Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



## Top mua ròng

| No | Code | Exchange | Buy value | Sell value | Net value |
|----|------|----------|-----------|------------|-----------|
| 1  | GMD  | HOSE     | 154.14    | 18.41      | 135.73    |
| 2  | SHS  | HNX      | 83.60     | 3.75       | 79.85     |
| 3  | GEX  | HOSE     | 100.95    | 32.75      | 68.21     |
| 4  | VND  | HOSE     | 103.75    | 39.20      | 64.55     |
| 5  | TCB  | HOSE     | 84.29     | 25.63      | 58.66     |
| 6  | MWG  | HOSE     | 212.61    | 160.48     | 52.14     |
| 7  | TPB  | HOSE     | 78.23     | 29.21      | 49.02     |
| 8  | VCI  | HOSE     | 48.66     | 6.04       | 42.61     |
| 9  | CII  | HOSE     | 42.44     | 9.17       | 33.27     |
| 10 | HCM  | HOSE     | 36.38     | 9.96       | 26.41     |
| 11 | ANV  | HOSE     | 28.20     | 8.72       | 19.48     |
| 12 | ACB  | HOSE     | 52.72     | 35.10      | 17.62     |
| 13 | HDG  | HOSE     | 22.71     | 10.06      | 12.65     |
| 14 | EIB  | HOSE     | 24.86     | 13.49      | 11.37     |
| 15 | BMP  | HOSE     | 10.23     | 1.06       | 9.17      |

## Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



## Top bán ròng

| No | Code | Exchange | Buy value | Sell value | Net value |
|----|------|----------|-----------|------------|-----------|
| 1  | HPG  | HOSE     | 198.67    | 789.80     | - 591.13  |
| 2  | MSB  | HOSE     | 28.14     | 449.83     | - 421.69  |
| 3  | MBB  | HOSE     | 27.38     | 346.37     | - 318.99  |
| 4  | STB  | HOSE     | 42.16     | 254.69     | - 212.53  |
| 5  | SSI  | HOSE     | 89.07     | 295.66     | - 206.59  |
| 6  | SHB  | HOSE     | 14.69     | 216.83     | - 202.14  |
| 7  | VPB  | HOSE     | 117.32    | 283.19     | - 165.87  |
| 8  | VHM  | HOSE     | 62.41     | 184.06     | - 121.66  |
| 9  | OIL  | UPCoM    | 0.99      | 114.48     | - 113.49  |
| 10 | VIX  | HOSE     | 122.99    | 187.95     | - 64.95   |
| 11 | PDR  | HOSE     | 0.81      | 64.76      | - 63.94   |
| 12 | NLG  | HOSE     | 20.58     | 79.11      | - 58.53   |
| 13 | VSC  | HOSE     | 9.09      | 62.79      | - 53.71   |
| 14 | DXG  | HOSE     | 40.86     | 88.52      | - 47.66   |
| 15 | NVL  | HOSE     | 9.97      | 54.67      | - 44.70   |

## Cập nhật vĩ mô

|                                     | Hôm nay  | 1D     | 1W     | YTD     |
|-------------------------------------|----------|--------|--------|---------|
| Giá dầu Brent (USD/thùng)           | 67.20    | 0.75%  | 1.34%  | -9.97%  |
| Giá dầu WTI (USD/thùng)             | 63.79    | 0.85%  | 0.92%  | -11.06% |
| Giá vàng thế giới (USD/ounce)       | 3,451.80 | 1.87%  | 3.24%  | 30.70%  |
| Tỷ giá trung tâm (USD/VND)          | 25,268   | -0.02% | -0.02% | 3.83%   |
| Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)    | 26,520   | -0.06% | -0.06% | 3.79%   |
| Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)       | 26,720   | 0.00%  | 0.53%  | 3.37%   |
| Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng   | 3.94%    | -0.95% | 0.06%  | -0.10%  |
| Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm | 2.77%    | 0.01%  | 0.08%  | 0.65%   |
| Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm | 2.88%    | 0.01%  | 0.09%  | 0.71%   |

### Lợi nhuận ngành ngân hàng 2025 dự báo tăng 18%, tín dụng có thể bứt tốc 20%

Lợi nhuận trước thuế toàn ngành ngân hàng năm 2025 tăng 18% trong khi tăng trưởng tín dụng có thể bứt tốc lên mức 20%. Động lực chính đến từ mặt bằng lãi suất thấp, đầu tư công, bất động sản khởi sắc và chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân.

### Cuộc đua tăng vốn ngành chứng khoán lại nóng trở lại

Làn sóng tăng vốn quy mô lớn đang lan rộng trong ngành chứng khoán Việt Nam, với tổng giá trị huy động lên tới hàng chục nghìn tỷ đồng. Những thương vụ phát hành này không chỉ giúp gia tăng năng lực tài chính mà còn định hình lại vị thế của nhiều công ty trong bối cảnh triển vọng nâng hạng thị trường ngày càng rõ ràng.

### Mỹ công bố đánh thuế CPBG lên tới 163% với tôn mạ Việt Nam: HSG gánh gập đôi, HPG và NKG chịu mức khủng

Tuy nhiên, mức thuế này cũng không gây thêm ảnh hưởng đáng kể tới HPG, HSG, NKG và GDA, do các doanh nghiệp này đã chủ động ngừng xuất khẩu sang Mỹ ngay sau khi con số sơ bộ được công bố.

## Bản tin doanh nghiệp



Vint

### MB muốn bán hơn 10% vốn MBS nhằm tăng tính đại chúng

MBB thông báo muốn bán 60 triệu cp MBS, dự kiến giảm sở hữu còn gần 377.4 triệu cp (tỷ lệ 65.9%), mục đích tăng tính đại chúng cho MBS. Trong năm 2025, MBS dự tính phát hành tổng cộng 94.5 triệu cp để tăng vốn điều lệ từ hơn 5,728 tỷ đồng lên hơn 6,673 tỷ đồng. Trong đó, Công ty chào bán hơn 68.7 triệu cp; phát hành gần 17.2 triệu cp thưởng và phát hành gần 8.6 triệu cp ESOP.



### 14,2% vốn HAGL được sang tay thỏa thuận

Phiên sáng 28/8, thêm 11 lệnh "cá mập" trao tay thỏa thuận lượng lớn cổ phiếu HAGL., tất cả đều với giá 15.800 đồng - thấp hơn 5,4% so với giá tham chiếu.



### Viglacera tiếp tục tái cấu trúc mảng gạch ốp lát, nhập VIH và TLT vào VIT

VGC đang bước vào đợt tái cơ cấu toàn diện. Sau khi tái cơ cấu mạnh mẽ bất động sản, Viglacera tiếp tục tinh gọn mảng gạch ốp lát để củng cố vị thế trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

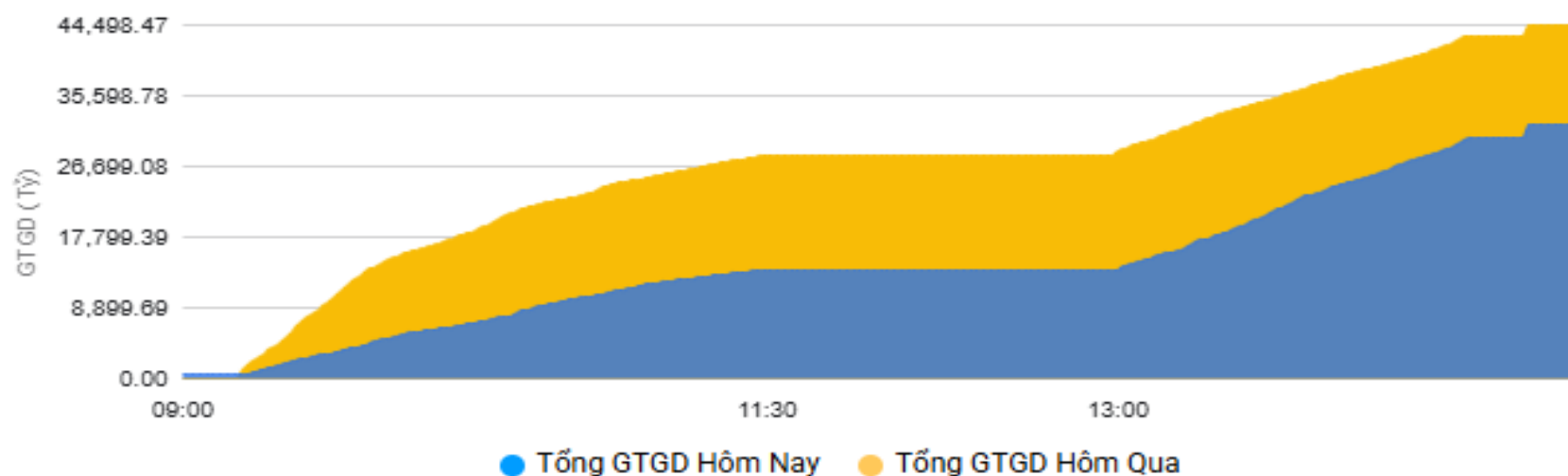
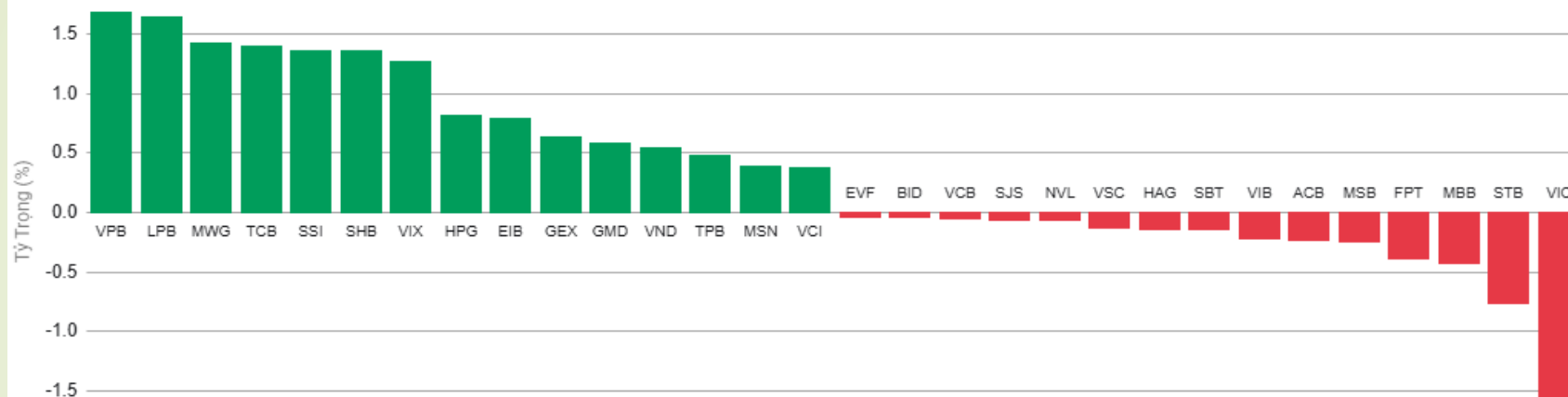
## Lịch sự kiện

| Mã  | Ngày ĐKCC  | Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Sự kiện                  | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị |
|-----|------------|------------|----------------|--------------------------|-----------------|---------|
| TOT | 08/14/2025 | 08/13/2025 | 08/29/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20.00%          | 2,000   |
| NNC | 08/08/2025 | 08/07/2025 | 08/29/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10.00%          | 1,000   |
| DPM | 07/16/2025 | 07/15/2025 | 09/03/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 15.00%          | 1,500   |
| CET | 08/06/2025 | 08/05/2025 | 09/05/2025     | Đại hội đồng cổ đông     |                 |         |
| NAV | 08/25/2025 | 08/22/2025 | 09/08/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 8.00%           | 800     |
| BIC | 09/10/2025 | 09/09/2025 | 09/09/2025     | Phát hành cổ phiếu       | 72.30%          |         |
| GEE | 08/21/2025 | 08/20/2025 | 09/10/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 30.00%          | 3,000   |
| HID | 08/12/2025 | 08/11/2025 | 09/12/2025     | Đại hội đồng cổ đông     |                 |         |
| ILB | 08/29/2025 | 08/28/2025 | 09/15/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 14.66%          | 1,466   |
| SZL | 08/29/2025 | 08/28/2025 | 09/19/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 30.00%          | 3,000   |
| MBS | 08/20/2025 | 08/19/2025 | 09/19/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 12.00%          | 1,200   |
| SZL | 08/29/2025 | 08/28/2025 | 09/19/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 30.00%          | 3,000   |
| MBS | 08/20/2025 | 08/19/2025 | 09/19/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 12.00%          | 1,200   |
| GSP | 08/14/2025 | 08/13/2025 | 09/23/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5.00%           | 500     |
| PSW | 09/05/2025 | 09/04/2025 | 09/24/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5.00%           | 500     |
| PHR | 08/28/2025 | 08/27/2025 | 09/26/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13.50%          | 1,350   |
| DRL | 09/08/2025 | 09/05/2025 | 09/29/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20.00%          | 2,000   |
| DPR | 08/21/2025 | 08/20/2025 | 09/29/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20.00%          | 2,000   |
| VSH | 08/21/2025 | 08/20/2025 | 09/30/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10.00%          | 1,000   |

# Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



## Khuyến nghị của NHSV Research

| CPPVT | Ngày đánh giá | Khuyến nghị | Giá CP tại thời điểm báo cáo | Giá mục tiêu | Giá mục tiêu (điều chỉnh) | Giá hiện tại (28/8/2025) | %      | Đường dẫn báo cáo    |
|-------|---------------|-------------|------------------------------|--------------|---------------------------|--------------------------|--------|----------------------|
| VPB   | 20/5/2024     | MUA         | 19,800                       | 23,100       | 27,300                    | 34,000                   | -19.7% | <a href="#">Link</a> |
| TPB   | 1/7/2024      | MUA         | 17,350                       | 22,800       | 18,167                    | 20,800                   | -12.7% | <a href="#">Link</a> |
| TCB   | 12/8/2024     | MUA         | 21,250                       | 26,300       | 33,200                    | 39,600                   | -16.2% | <a href="#">Link</a> |
| MBB   | 29/8/2024     | MUA         | 24,850                       | 30,400       | 28,500                    | 27,200                   | 4.8%   | <a href="#">Link</a> |
| ACB   | 23/9/2024     | MUA         | 25,650                       | 28,800       | 31,500                    | 27,550                   | 14.3%  | <a href="#">Link</a> |
| HDB   | 15/10/2024    | KHẢ QUAN    | 27,150                       | 30,200       | 35,300                    | 32,500                   | 8.6%   | <a href="#">Link</a> |
| CTG   | 28/11/2024    | KHẢ QUAN    | 35,150                       | 38,600       | 38,600                    | 51,600                   | -25.2% | <a href="#">Link</a> |
| VCB   | 24/2/2025     | MUA         | 93,100                       | 108,400      | 72,508                    | 69,000                   | 5.1%   | <a href="#">Link</a> |
| BID   | 20/3/2025     | MUA         | 39,800                       | 46,900       | 46,900                    | 42,500                   | 10.4%  | <a href="#">Link</a> |
| HPG   | 13/01/2025    | MUA         | 25,900                       | 33,800       | 31,500                    | 27,100                   | 16.2%  | <a href="#">Link</a> |
| HSG   | 14/02/2025    | KHẢ QUAN    | 16,650                       | 17,990       | 19,000                    | 18,350                   | 3.5%   | <a href="#">Link</a> |
| NKG   | 7/3/2025      | KHẢ QUAN    | 16,100                       | 17,380       | 16,600                    | 15,800                   | 5.1%   | <a href="#">Link</a> |
| NLG   | 30/9/2024     | MUA         | 41,550                       | 48,500       | 48,500                    | 44,200                   | 9.7%   | <a href="#">Link</a> |
| KDH   | 23/10/2024    | MUA         | 33,300                       | 42,400       | 38,545                    | 35,900                   | 7.4%   | <a href="#">Link</a> |
| DXG   | 15/11/2024    | MUA         | 16,150                       | 18,800       | 20,800                    | 22,900                   | -9.2%  | <a href="#">Link</a> |
| DXS   | 15/1/2025     | KHẢ QUAN    | 6,500                        | 7,000        | 12,000                    | 12,750                   | -5.9%  | <a href="#">Link</a> |
| KBC   | 22/1/2025     | MUA         | 28,950                       | 36,000       | 36,000                    | 40,300                   | -10.7% | <a href="#">Link</a> |
| VRE   | 21/3/2025     | MUA         | 18,450                       | 22,500       | 22,500                    | 30,700                   | -26.7% | <a href="#">Link</a> |
| HAH   | 31/3/2025     | KHẢ QUAN    | 52,800                       | 60,180       | 65,900                    | 57,300                   | 15.0%  | <a href="#">Link</a> |
| VHM   | 29/4/2025     | KHẢ QUAN    | 58,400                       | 66,100       | 66,100                    | 104,600                  | -36.8% | <a href="#">Link</a> |
| STB   | 14/5/2025     | MUA         | 40,000                       | 47,500       | 47,500                    | 54,800                   | -13.3% | <a href="#">Link</a> |
| GMD   | 27/5/2025     | KHẢ QUAN    | 59,500                       | 63,600       | 60,200                    | 68,900                   | -12.6% | <a href="#">Link</a> |
| HDC   | 5/6/2025      | MUA         | 26,000                       | 30,200       | 30,200                    | 35,500                   | -14.9% | <a href="#">Link</a> |
| VSC   | 18/06/2025    | KHẢ QUAN    | 16,550                       | 17,700       | 23,800                    | 31,150                   | -23.6% | <a href="#">Link</a> |
| PDR   | 30/6/025      | KHẢ QUAN    | 18,050                       | 20,200       | 18,704                    | 24,400                   | -23.3% | <a href="#">Link</a> |
| PVT   | 17/7/2025     | KHẢ QUAN    | 18,100                       | 19,900       | 19,900                    | 17,950                   | 10.9%  | <a href="#">Link</a> |
| BCM   | 4/8/2025      | MUA         | 71,000                       | 83,000       | 83,000                    | 68,000                   | 22.1%  | <a href="#">Link</a> |

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

**TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH**

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.